

Số: 1764 /TTr-UBND

Bố Trạch, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững huyện Bố Trạch

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết 69/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết 70/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND huyện Bồ Trạch về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Bồ Trạch (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Căn cứ Công văn số 2494/KHĐT-QLKT ngày 09/9/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình về việc Hướng dẫn lập và giao kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững hằng năm;

Trên cơ sở nhu cầu đề xuất của các địa phương, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, phê duyệt danh mục đầu tư vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 huyện Bồ Trạch với các nội dung cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc phân bổ

1. Nguyên tắc chung:

- Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư.

2. Đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh số 09-NQ/TU ngày 14/6/2022 về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bồ Trạch lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Bố trí kinh phí tập trung, không dàn trải, không manh mún, công trình đầu tư mang tính cấp huyện, liên xã, liên kết vùng, trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên triển khai

công trình đầu tư tạo đột phá, động lực phát triển kinh tế địa phương, thúc đẩy hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Đối với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các địa phương; đảm bảo công khai minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí.

- Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đã đạt chuẩn nhưng ở mức thấp để nâng cao chất lượng các tiêu chí và đảm bảo bền vững. Cấp huyện, cấp xã cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

II. Nguyên tắc lựa chọn danh mục đầu tư từ cấp xã

1. Đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

- Phạm vi, đối tượng phân bổ: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển: Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện tại xã Liên Trạch.

- Nội dung hoạt động:

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển phục vụ dân sinh, sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, và dân sinh.

+ Công trình phải đảm bảo tính kết nối giữa các thôn, giữa các thôn với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Đối với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

- Phạm vi, đối tượng phân bổ: Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

- Nội dung hoạt động: Bố trí vốn cho các Tiêu chí về đầu tư phát triển để thực hiện các Bộ Tiêu chí xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

III. Nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn

Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã, đóng góp người dân, các chương trình mục tiêu khác và các nguồn vốn hợp pháp nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững, Xây dựng Nông thôn mới, các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã ban hành và đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025.

IV. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù

- Các địa phương có trách nhiệm xây dựng danh mục dự án, trong đó tối thiểu 10% số lượng dự án đầu tư của Chương trình thực hiện theo cơ chế đặc thù.

- Dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù là dự án được quy định tại Điều 14, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: (i) Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia (ii) Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (iii) Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng (iv) Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện (v) Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

- Ưu tiên lựa chọn các thiết kế mẫu đã có sẵn và địa phương thực hiện hiệu quả ở giai đoạn trước để thực hiện theo cơ chế đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

V. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

1. Tổng nguồn vốn phân bổ giai đoạn 2021-2025: 118.549 triệu đồng

Trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 103.549 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 15.000 triệu đồng.

2. Tổng nguồn vốn phân bổ năm 2022: 38.029 triệu đồng

Trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 32.029 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 6.000 triệu đồng.

(Kế hoạch bố trí các nguồn vốn và danh mục dự án cụ thể của các địa phương chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Tuấn



Phụ lục 01

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Phân bổ GD 2021-2025	Phân bổ năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch năm 2021 chuyển sang	Kế hoạch năm 2022	
a	Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới					
1	Đại Trạch	2.767	885	571	314	
2	Trung Trạch	2.767	885	571	314	
3	Vạn Trạch	2.767	885	571	314	
4	Bắc Trạch	2.767	885	571	314	
5	Hạ Trạch	2.767	885	571	314	
6	Đồng Trạch	2.767	885	571	314	
7	Thanh Trạch	2.767	885	571	314	
8	Nhân Trạch	2.767	885	571	314	
9	Đức Trạch	2.767	885	571	314	
10	Tây Trạch	2.767	885	571	314	
11	Nam Trạch	2.767	885	571	314	
12	Sơn Lộc	2.767	885	571	314	
13	Cự Năm	2.767	885	571	314	
14	Hòa Trạch	2.767	885	571	314	
15	Phú Định	2.767	885	571	314	
16	Lý Trạch	2.767	885	571	314	
b	Xã đạt 15-18 tiêu chí	-	-			
17	Hải Phú	7.330	1.684	743	941	
18	Phúc Trạch	7.330	1.684	743	941	
19	Mỹ Trạch	7.330	1.684	743	941	
20	Hung Trạch	7.330	1.684	743	941	
21	Liên Trạch	2.285	2.285	2.285	0	
c	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	-	-			
22	Lâm Trạch	11.551	2.139	571	1.568	
23	Xuân Trạch	11.551	2.139	571	1.568	
24	Tân Trạch	2.285	2.285	2.285		
25	Thượng Trạch	2.285	2.285	2.285		
		103.549	32.029	20.105	11.924	



**PHỤ LỤC: PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG HUYỆN BỐ TRẠCH**

(Kèm theo Tờ trình số: 1764 /TTr-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Bò Trạch)

TT	Đánh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	TỔNG CỘNG		218.604	103.549	15.000	87.322	12.733	38.029	32.029	6.000	-		
	Xã Hòa Trạch		3.885	2.767	-	500	618	885	885	-	-		
1.1	Đường GTNT thôn Bàng xã Hòa Trạch	2022-2023	885	885				885	885			UBND xã Hòa Trạch (thông qua BQL xã Hòa Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
1.2	Nhà văn hóa thôn Hòa Đông xã Hòa Trạch	2023-2024	1.300	800		250	250	-			X	UBND xã Hòa Trạch (thông qua BQL xã Hòa Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
1.3	Nhà văn hóa thôn Bàng xã Hòa Trạch	2023-2024	1.700	1.082		250	368	-			X	UBND xã Hòa Trạch (thông qua BQL xã Hòa Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
2	Xã Thanh Trạch		4.975	2.767	-	2.118	90	885	885	-	-		
2.1	Tuyến đường dọc kè sông Thanh Ba thôn Thanh Khê xã Thanh Trạch	2022-2023	975	885			90	885	885		X	UBND xã Thanh Trạch (thông qua BQL xã Thanh Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
2.2	Tuyến đường khu vực Bàu Đung thôn Tiên Phong xã Thanh Trạch	2023-2024	4.000	1.882		2.118		-				UBND xã Thanh Trạch (thông qua BQL xã Thanh Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
3	Xã Đức Trạch		6.646	2.767	-	3.829	50	885	885	-	-		
3.1	Đường GTNT từ nhà ông Lê Văn Sơn tới chùa Quan Âm Tự xã Đức Trạch	2022-2023	1.146	646		500		646	646			UBND xã Đức Trạch (thông qua BQL xã Đức Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao (NSH hỗ trợ 500tr)
3.2	Đường giao thông nội thôn Bàu Bàng xã Đức Trạch	2022-2023	500	250		200	50	239	239		X	UBND xã Đức Trạch (thông qua BQL xã Đức Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
3.3	Hệ thống nước sạch xã Đức Trạch	2023-2024	5.000	1.871		3.129		-				UBND xã Đức Trạch (thông qua BQL xã Đức Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 17 - môi trường => NTM nâng cao
4	Xã Lý Trạch		13.000	2.767	-	10.118	115	885	885	-	-		
4.1	Đường giao thông nội thôn xã Lý Trạch	2022-2023	1.000	885			115	885	885		x	UBND xã Lý Trạch (thông qua BQL xã Lý Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
4.2	Cấp nước sinh hoạt xã Lý Trạch	2022-2024	12.000	1.882		10.118		-				UBND xã Lý Trạch (thông qua BQL xã Lý Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 17 - môi trường => NTM nâng cao
5	Xã Hải Phú		15.920	7.330	-	8.520	70	1.684	1.684	-	-		
5.1	Xây dựng Nhà 3 tầng 6 phòng học, 5 phòng chức năng trường THCS Hải Trạch	2022-2023	13.000	4.480		8.520		484	484			UBND xã Hải Phú (thông qua BQL xã Hải Phú)	Thực hiện tiêu chí số 5 - giáo dục (Thuộc KH đầu tư công của huyện: NS huyện 5 tỷ đồng, NSX 8 tỷ đồng. Nay đề nghị điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn CTMTXD QGNTM : 4.480 tr đồng, NSH 5 tỷ đồng, NSX và các nguồn hợp pháp khác 3.520 tr đồng
5.2	Nâng cấp khuôn viên Trường THCS Hải Trạch	2023-2025	1.650	1.650				-				UBND xã Hải Phú (thông qua BQL xã Hải Phú)	Thực hiện tiêu chí số 5 - giáo dục => Hoàn thiện NTM 2023

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
5.3	Đường GTNT từ nhà anh Chu ở Bắc Sơn đến nhà anh Đình ở Trung Thuận	2022-2023	770	700			70	700	700		x	UBND xã Hải Phú (thông qua BQL xã Hải Phú)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => Hoàn thiện NTM 2023
5.4	Hệ Thống kênh mương từ Bình Thuận đến Quý Thuận	2022-2023	500	500				500	500				Thực hiện tiêu chí số 3 - thủy lợi => Hoàn thiện NTM 2023
6	Xã Thượng Trạch		2.285	2.285	-	-	-	2.285	2.285	-	-		
6.1	Đường giao thông nội bản Cà Rông 1	2022-2023	1.200	1.200				1.200	1.200			UBND xã Thượng Trạch (thông qua BQL xã Thượng Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => Hoàn thiện NTM
6.2	Đường giao thông nội bản Cà Rông 2	2022-2023	500	500				500	500		X		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => Hoàn thiện NTM
6.3	Đường giao thông nội bản Niu	2022-2023	585	585				585	585				Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => Hoàn thiện NTM
7	Xã Sơn Lộc		2.847	2.767	-	-	80	885	885	-	-		
7.1	Mở rộng trục đường chính thôn Đồng Sơn	2023-2024	1.200	1.200				-	-			UBND xã Sơn Lộc (thông qua BQL xã Sơn Lộc)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
7.2	Đường nội thôn Thôn Phú Sơn xã Sơn Lộc	2023-2024	762	682			80	-	-		X		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
7.3	Đường từ khe cạn đến nhà ông Hoàn thôn Sơn Lý	2022	885	885				885	885				Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
8	Xã Hưng Trạch		17.180	7.330	-	-	8.026	1.824	1.684	-	-		
8.1	Đường giao thông 4 thôn Khương Hà 2, Khương Hà 4, Thanh Hưng 2, Thanh Bình 2	2022-2023	980	394		147	439	394	394		x	UBND xã Hưng Trạch (thông qua BQL xã Hưng Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 -giao thông => Hoàn thiện NTM
8.2	Đường GTNT 6 tuyến xã Hưng Trạch	2022-2023	3.200	1.290		525	1.385	1.290	1.290		x		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => Hoàn thiện NTM
8.3	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường MN Cô Giang	2023-2025	6.000	3.646		2.354		-	-				Thực hiện tiêu chí số 5 - giáo dục => Hoàn thiện NTM
8.4	Đường GTNT theo tiêu chí nông thôn mới xã Hưng Trạch	2023-2024	7.000	2.000		5.000		-	-				Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => Hoàn thiện NTM
9	Xã Nhân Trạch		4.052	2.767	-	-	1.008	277	885	-	-		
9.1	Đường GTNT từ nhà mẹ Liễu đến trại chăn nuôi ông Hồ Đắc Thanh thôn Nhân Đức	2022-2023	1.285	885		400		885	885			UBND xã Nhân Trạch (thông qua BQL xã Nhân Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao (NSH có cấp hỗ trợ 400tr)
9.2	Đường GTNT kết hợp hệ thống xả thải từ nhà ông Hùng đến nhà ông Trục	2023-2024	2.767	1.882		608	277	-	-		X		Thực hiện tiêu chí số 17, 2 - môi trường, giao thông => NTM nâng cao
10	Xã Phú Định		2.867	2.767	-	-	100	885	885	-	-		
10.1	Đường từ nhà bà Huệ đến nhà bà Lý thôn Tân Định	2022-2024	300	250			50	250	250		X	UBND xã Phú Định (thông qua BQL xã Phú Định)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
10.2	Đường từ đường liên thôn đến trường THCS Phú Định	2022-2024	200	200				200	200				Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
10.3	Đường từ đường HCM đến nghĩa trang thôn Tây Định	2022-2024	500	450			50	435	435		X		Thực hiện nhằm đạt tiêu chí giao thông về XD NTM nâng cao

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
10.4	Cải tạo, nâng cấp chợ Phú Định	2023-2025	1.867	1.867				-				UBND xã Phú Định (thông qua BQL xã Phú Định)	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn
11	Xã Bắc Trạch		3.300	2.767	-	-	533	885	885	-	-		
11.1	Đường trục chính nội đồng thôn 3 xã Bắc Trạch	2023 - 2025	550	500			50	-			X	UBND xã Bắc Trạch (thông qua BQL xã Bắc Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
11.2	Xây dựng sân, hàng rào, nhà văn hóa thôn 1, 4, 5 xã Bắc Trạch	2022-2023	950	885			65	885	885				Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
11.3	Xây dựng sân, hàng rào, nhà văn hóa thôn 2, 3, 6, 7, 8, 9 xã Bắc Trạch	2023-2025	1.800	1.382			418	-					Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
12	Xã Trung Trạch		2.900	2.767	-	-	133	885	885	-	-		
12.1	Đầu tư hệ thống nước sạch xã Trung Trạch	2023-2025	1.300	1.300				-				UBND xã Trung Trạch (thông qua BQL xã Trung Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 17 - môi trường => NTM nâng cao
12.2	Đường GTNT theo TC XDNTM - Tuyến: từ nhà ông Mạc đi nhà ông Nghệ Thôn 1	2022-2023	500	367			133	350	350		X		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
12.3	Nhà vệ sinh trường THCS xã Trung Trạch	2022-2023	1.100	1.100				535	535				Thực hiện tiêu chí số 5 - giáo dục => NTM nâng cao
13	Xã Nam Trạch		9.050	2.767	-	3.365	2.918	885	885	-	-		
13.1	Đường GTNT. Tuyến từ nhà Ông Lễ thôn Đông Thành đi xóm Chợ Rỏ, thôn Sao Sa xã Nam Trạch	2022-2023	1.200	495		705		495	495				Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
13.2	Đường GTNT theo tiêu chí NTM thôn Chánh Hòa xã Nam Trạch	2022-2023	650	390			260	390	390		x	UBND xã Nam Trạch (thông qua BQL xã Nam Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
13.3	Nhà văn hóa thôn Sao Sa xã Nam Trạch	2023-2025	1.800	470		665	665	-					Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
13.4	Nhà văn hóa thôn Đông Thành xã Nam Trạch	2023-2025	1.800	470		665	665	-					Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
13.5	Nhà văn hóa thôn Tây Thành xã Nam Trạch	2023-2025	1.800	471		665	664	-					Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
13.6	Nhà văn hóa thôn Hòa Trạch xã Nam Trạch	2023-2025	1.800	471		665	664	-					Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM nâng cao
14	Xã Tân Trạch		2.285	2.285	-	-	-	2.285	2.285	-	-		
14.1	Nhà vệ sinh Trường PTDTBT TH và THCS Tân Trạch	2022-2023	1.000	1.000				1.000	1.000			UBND xã Tân Trạch (thông qua BQL xã Tân Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 5 - giáo dục => NTM
14.2	Cổng, hàng rào Trường PTDTBT TH và THCS Tân Trạch	2022-2023	500	500				500	500				Thực hiện tiêu chí số 5 - giáo dục => NTM
14.3	Đường GTNT và cống thoát nước Bán 39 xã Tân Trạch	2022-2023	785	785				785	785		x		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM
15	Xã Lâm Trạch		16.939	11.551	-	4.938	450	2.139	2.139	-	-		

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
15.1	Nhà hiệu bộ trường THCS Lâm Trạch	2023-2025	4.000	2.150		1.850		-				UBND xã Lâm Trạch (thông qua BQL xã Lâm Trạch)	- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường Học. - Thuộc KH đầu tư công của huyện: NS huyện 1.700tr đồng, Vốn CTMTQG 2150 Trđ , NSX và các nguồn hợp pháp khác NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác 150 trđ => Đ/c CTĐT huyện
15.2	Xây dựng kênh mương từ cống đập khe diện di nhà văn hóa thôn 3	2023-2025	1.600	700		900		-					- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (3): về Thủy lợi, Thuộc KH đầu tư công của huyện: NS huyện 800trđồng,, Vốn CTMTQG xây dựng NTM 700trđ, NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác 100 trđ =>Đ/c CTĐT huyện
15.3	Xây dựng hệ thống kênh mương xã Lâm Trạch (thôn 1.2)	2023-2025	2.000	1.450		550		-					- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM(3): về Thủy lợi,
15.4	Phòng học bộ môn và khuôn viên Trường TH Lâm Trạch (Khu vực Tam Trang)	2023-2025	4.700	3.712		988		-					- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường học.
15.5	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Lâm Trạch	2023-2024	1.500	700		500	300	-			x		- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (6): Cơ sở vật chất văn hóa ; Nguồn dự kiến: CTMTQG: 700tr, đối ứng nhân dân 300tr; NS xã và các nguồn hợp pháp khác 500 trđ
15.6	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 xã Lâm Trạch	2023-2024	1.000	700		150	150	-			x		- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (6): Cơ sở vật chất văn hóa ; Nguồn dự kiến: CTMTQG: 700tr, đối ứng nhân dân 150tr; NS xã và các nguồn hợp pháp khác 150 trđ
15.7	Xây dựng cống, hàng rào, khuôn viên Trường mầm non Lâm Trạch (Khu vực Tam Trang)	2022-2023	1.039	1.039				1.039	1.039				- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường học
15.8	Xây dựng cống, hàng rào, khuôn viên Trường mầm non Lâm Trạch (Khu vực trung tâm)	2022-2023	1.100	1.100				1.100	1.100				- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường học
16	Xã Liên Trạch		18.800	2.285	15.000	1.315	200	8.285	2.285	6.000	-		
16.1	Nhà văn hóa thôn Liên Thủy	2022-2024	1.500	200	800	300	200	1.000	200	800	X	UBND xã Liên Trạch (thông qua BQL xã Liên Trạch)	NS huyện: 300 Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân.
16.2	Đường GTNT nội vùng Phú Hữu-Tân Hội	2022-2024	3.100		3.000	100		3.000		3.000			Công trình giao thông trục đường chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.
16.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ sân vận động về cầu ngán sơn thôn Tân Hội	2022-2024	1.600		1.400	200		1.400		1.400			Công trình giao thông trục đường chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.
16.4	Đường GTNT thôn Tân Hội (đoạn đi đập bia)	2022-2024	1.400	900	400	100		1.300	900	400			Công trình giao thông trục đường chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
16.5	Nâng cấp bãi tràn, cống lấy nước và hệ thống kênh mương đập Bao Bị thôn Liên Sơn	2022-2024	900	800		100		800	800			UBND xã Liên Trạch (thông qua BQL xã Liên Trạch)	Công trình thủy lợi nhỏ do xã quản lý được kiên cố hóa phục vụ sản xuất
16.6	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Liên Trạch	2022-2024	900	385	400	115		785	385	400			Công trình cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn
16.7	Nhà lớp học và các phòng chức năng Trường MN Liên Trạch	2023-2025	4.100		4.000	100		-					- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường học
16.8	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học Trường THCS Liên Trạch	2023-2025	1.100		1.000	100		-					- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường học
16.9	Nhà vệ sinh Trường THCS Liên Trạch	2023-2025	500		500			-					- Nhằm hoàn thành tiêu chí XDNTM (5): Trường học
16.10	Công trình nước sạch cho các trường, trạm y tế và ba con nhân dân	2023-2025	3.700		3.500	200		-					Công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh
17	Xã Tây Trạch		3.267	2.767			500	885	885				
17.1	Đường Đồng Hai thôn Ráy	2023-2025	2.000	1.500			500				X	UBND xã Tây Trạch (thông qua BQL xã Tây Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
17.2	Kênh mương Bầu Sầm thôn 3 xã Tây Trạch	2022-2023	800	800				685	685				Thực hiện tiêu chí số 3 - thủy lợi => NTM nâng cao
17.3	Hạ tầng kỹ thuật chuyển đổi số xã Tây Trạch	2022-2023	467	467				200	200				Nâng cấp TC 8 3 về TT&TT theo TC số 8 về thông tin và truyền thông
18	Xã Mỹ Trạch		12.800	7.330		4.600	870	1.684	1.684				
18.1	Nhà văn hoá trung tâm xã Mỹ Trạch	2023-2025	5.000	2.500		2.500						UBND xã Mỹ Trạch (thông qua BQL xã Mỹ Trạch)	Tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hoá. Đề nghị điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn thành: NS huyện 2.500trđ, Vốn CTMTQG 2.500trđ =>ĐC CTĐT huyện
18.2	Hàng rào, khuôn viên Trường TH Mỹ Trạch	2023-2025	2.500	1.500		1.000							Tiêu chí số 5 Trường học. Đề nghị điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn thành: NS huyện 1.000trđ, Vốn CTMTQG 1.500trđ => ĐC CTĐT huyện
18.3	Nâng cấp tuyến kênh từ Cống Đại đi đường liên xã và tuyến từ Hồ Cửa Nghè thôn 2 đi vùng Biển	2022-2024	1.200	1.000		200		730	730				Tiêu chí số 3 thủy lợi và phòng chống thiên tai.
18.4	Nâng cấp khuôn viên trung tâm văn hóa xã Mỹ Trạch	2022-2023	1.200	800		400		254	254				Tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hoá
18.5	Hệ thống nước sạch tập trung xã Mỹ Trạch	2022-2023	1.200	700		500		700	700				Tiêu chí 17 Môi trường và an toàn thực phẩm. Nguồn vốn Trung tâm nước sạch 500trđ;CTMTQG:700trđ
18.6	Hệ thống đường giao thông nội thôn xã Mỹ Trạch	2022-2024	1.700	830			870				X		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông
19	Xã Phúc Trạch		14.400	7.330		7.020	50	1.684	1.684				
19.1	Nhà bếp ăn Trường Mầm non Phúc Trạch (KV Thanh Sen - Chày Lấp)	2022-2025	2.500	1.400		1.100		1.400	1.400			UBND xã Phúc Trạch (thông qua BQL xã Phúc Trạch)	ĐTC huyện: NS huyện 700; NS xã: 1.498 ĐC: NS huyện: 700; CTMT: 1.400; NS xã: 900 Nhằm đạt tiêu chí số 5 - Trường học

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
19.2	Đường giao thông khu vực chợ Troóc xã Phúc Trạch	2022-2023	900	330		520	50	284	284		X	UBND xã Phúc Trạch (thông qua BQL xã Phúc Trạch)	Củng cố tiêu chí số 2 - giao thông
19.3	Bếp ăn Trường Mầm non khu vực Phúc Khê	2023-2025	2.000	1.800		200		-					Nhằm đạt tiêu chí số 5 - Trường học
19.4	Nhà lớp học và phòng học bộ môn Trường tiểu học số 1 Phúc Trạch	2023-2025	9.000	3.800		5.200		-					Nhằm đạt tiêu chí số 5 - Trường học ĐC: NS huyện: 4.500; CTMT: 3.800; NS xã 700 => Đ/c CTĐT huyện
20	Xã Cự Năm		5.400	2.767	-	2.633	-	885	885	-	-		
20.1	Đường giao thông tuyến Sông Đào đi thôn Mỹ Sơn	2022-2024	3.500	1.000		2.500		885	885			UBND xã Cự Năm (thông qua BQL xã Cự Năm)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông (NSH hỗ trợ 300)
20.2	Xây dựng công, hàng rào, khuôn viên Trường TH số 1 Cự Năm (diêm Mỹ Sơn)	2023-2025	1.200	1.067		133		-					Hoàn thành tiêu chí số 5 - Trường học
20.3	Xây dựng hàng rào Trường TH số 1 Cự Năm (Khu vực chính)	2023-2025	700	700				-					Hoàn thành tiêu chí số 5 - Trường học
21	Xã Vạn Trạch		4.800	2.767	-	2.033	-	885	885	-	-		
21.1	Hệ thống nước sạch xã Vạn Trạch từ thôn Đông đi thôn Dài	2023-2025	2.300	1.882		418		-				UBND xã Vạn Trạch (thông qua BQL xã Vạn Trạch)	Tiêu chí môi trường
21.2	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu xã Vạn Trạch	2022-2024	2.500	885		1.615		885	885				Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
22	Xã Xuân Trạch		25.639	11.551	-	10.548	3.540	2.139	2.139	-	-		
22.1	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non Khe Gát, xã Xuân Trạch	2023-2025	7.000	2.000		5.000		-				UBND xã Xuân Trạch (thông qua BQL xã Xuân Trạch)	Thực hiện nhằm đạt tiêu chí Giáo dục đào tạo về XD NTM (NSH 3500, CTMT 2000, NS xã 1500) =>Đ/C CTĐT huyện
22.2	Nhà chức năng trường THCS Xuân Trạch	2023-2025	4.000	1.709		2.291		-					Thực hiện nhằm đạt tiêu chí Giáo dục đào tạo về XD NTM (thuộc Đầu tư công của xã)
22.3	Nâng cấp sân vận động trung tâm xã	2023-2025	1.900	463		1.437		-					Thực hiện nhằm đạt tiêu chí văn hóa về XD NTM (thuộc Đầu tư công của xã)
22.4	Nâng cấp sân, khuôn viên Trường THCS Xuân Trạch	2023-2025	1.000	1.000				-					Nhằm đạt tiêu chí số 5 - Trường học
22.5	Nâng cấp sân, khuôn viên Trường mầm non Xuân Trạch	2023-2025	700	700				-					Nhằm đạt tiêu chí số 5 - Trường học
22.6	Đường Nội thôn thôn 1, thôn 3, thôn 4, thôn 5 xã Xuân Trạch	2023-2025	1.500	600		300	600	-			X		Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông
22.7	Đường Nội thôn thôn 2, thôn 6, thôn 7 xã Xuân Trạch	2023-2025	1.100	440		220	440	-			X	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông	
22.8	Đường Nội thôn thôn 8, thôn 9, thôn 10 xã Xuân Trạch	2023-2025	1.800	700		400	700	-			X	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông	

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn khác (dự kiến)	Nguồn vốn nhân dân đóng góp (dự kiến)	Kinh phí phân bổ năm 2022	Trong đó		Áp dụng cơ chế đặc thù theo ND 27	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững				Vốn CT MTQG NTM	Vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững			
22.9	Đường trục thôn từ cửa ông Tường đi sân bóng thôn 6 xã Xuân Trạch	2022-2023	1.170	1.170				1.170	1.170			UBND xã Xuân Trạch (thông qua BQL xã Xuân Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông
22.10	Đường trục thôn từ cửa bà Thành thôn 8 đến đường liên thôn xã Xuân Trạch	2022-2023	969	969			969	969					Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông
22.11	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Xuân Trạch	2023-2025	1.500	600	300	600	-	-	-				Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM
22.12	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6 xã Xuân Trạch	2023-2025	1.500	600	300	600	-	-	-				Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM
22.13	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 xã Xuân Trạch	2023-2025	1.500	600	300	600	-	-	-				Thực hiện tiêu chí số 6 - văn hóa => NTM
23	Xã Đồng Trạch		15.800	2.767	-	12.733	300	885	885	-	-		
23.1	Làm biển báo các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn, liên xã	2022	800	415		385		415	415			UBND xã Đồng Trạch (thông qua BQL xã Đồng Trạch)	Thực hiện tiêu chí số 2 - giao thông => NTM nâng cao
23.2	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6 xã Đồng Trạch	2022-2023	2.500	470	1.980	50	470	470		X			Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
23.3	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 xã Đồng Trạch	2023-2024	2.500	378	2.072	50	-	-		X			Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
23.4	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2 xã Đồng Trạch	2023-2024	2.500	376	2.074	50	-	-		X			Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
23.5	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Đồng Trạch	2023-2024	2.500	376	2.074	50	-	-		X			Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
23.6	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Đồng Trạch	2023-2024	2.500	376	2.074	50	-	-		X			Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
23.7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Đồng Trạch	2023-2024	2.500	376	2.074	50	-	-		X			Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa
24	Xã Đại Trạch		6.800	2.767	-	4.018	15	885	885	-	-		
24.1	Cải tạo, nâng cấp dãy nhà phía Bắc Trường TH số 2 Đại Trạch	2022-2023	600	200		400		200	200			UBND xã Đại Trạch (thông qua BQL xã Đại Trạch)	Hoàn thành tiêu chí GD&ĐT
24.2	Bê tông hóa kênh mương nội đồng cây Lội	2022-2023	700	685			15	685	685		X		Thực hiện tiêu chí số 3 - thủy lợi => NTM nâng cao
24.3	Nhà hiệu bộ + phòng chức năng + nhà xe Trường TH số 2 Đại Trạch	2023-2025	5.500	1.882		3.618		-	-				Hoàn thành tiêu chí GD&ĐT
25	Xã Hạ Trạch		2.767	2.767	-	-	-	885	885	-	-		
25.1	Xây dựng nhà vệ sinh và cải tạo, nâng cấp các hạng mục xuống cấp Trường THCS Lưu Trọng Lư	2023-2025	885	885				885	885			UBND xã Hạ Trạch (thông qua BQL xã Hạ Trạch)	Hoàn thành tiêu chí số 5 - Trường học
25.2	Đường nội đồng Cồn Vườn (thôn 6) xã Hạ Trạch	2022-2023	1.882	1.882				-	-				Hoàn thành tiêu chí thủy lợi